TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ	*Đắk R'Lấp, ngày 26 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lương Thị Xuân.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 49/2025/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc: *"Yêu cầu hủy việc kết hôn* trái *pháp luật"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày14 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978 và bà Trần Thị K, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn A, huyện B, tỉnh Đắk Nông. *Đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

- *Người* có *quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Tổ dân phố 01, thị trấn A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Văn G – Chức vụ: Phó Chủ tịch. *Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 10 tháng 02 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự người yêu cầu là ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K trình bày:

Ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 01 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông). Trong Giấy chứng nhận kết hôn thì bà Trần Thị K sinh ngày 10/11/1980. Theo Căn cước công dân, giấy khai sinh và Đơn xin xác nhận của Công an huyện B ngày 21/01/2025 thì bà Trần Thị K sinh ngày 07 tháng 8 năm 1985. Tại thời điểm đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Xuân T ngày 09 tháng 01 năm 2001 bà K mới được 15 tuổi 05 tháng 02 ngày. Như vậy, theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình bà K chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Nay ông T

và bà K yêu cầu Tòa án hủy việc kết trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà tính từ thời điểm bà K đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân thị trấn A không có ý kiến gì về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông T và bà K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Về giải quyết yêu cầu của các đương sự: Ông T và bà K đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND thị trấn A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29, Quyển 01/2001 ngày 09/01/2001. Như vậy, có thể xác định ông T và bà K kết hôn ngày 09/01/2001. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy khai sinh của bà K *(Giấy khai sinh chỉ thể hiện năm sinh 1985),* Căn cước công dân và các tài liệu khác trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định ngày, tháng, năm sinh đúng của bà K là ngày 07/8/1985. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông T *(sinh ngày 05/01/1978)* 23 tuổi 04 ngày, còn bà K *(sinh ngày 07/8/1985)* mới được 15 tuổi 05 tháng 02 ngày. Như vậy có đủ căn cứ xác định việc kết hôn giữa ông T và bà K theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 01 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn A là trái quy định pháp luật về điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định khi kết hôn nữ phải từ 18 tuổi trở lên. Tại thời điểm ông T và bà K có đơn yêu việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân từ khi bà K đủ tuổi kết hôn thì ông bà đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình và theo điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà K kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2003.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1]. Ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của UBND thị trấn A và công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà từ khi bà K đủ tuổi kết hôn. Yêu cầu của ông bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại khoản 1 và khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K và đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn A vắng mặt tại phiên họp và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của người yêu cầu, thấy: Ông T và bà K đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 01 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn A. Theo Căn cước công dân, giấy khai sinh của bà K và đơn xin xác nhận của Công an huyện B ngày 21/01/2025 thể hiện bà K sinh ngày 07 tháng 8 năm 1985. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn với ông T ngày 09 tháng 01 năm 2001 bà K mới được 15 tuổi 05 tháng 02 ngày. Việc kết hôn giữa ông T và bà K là trái quy định pháp luật về điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định khi kết hôn nữ phải từ 18 tuổi trở lên. Tại thời điểm ông T và bà K có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân thì ông bà đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình và theo điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy Tòa án cần chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông T và bà K kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2003 là phù hợp với nguyện vọng của người yêu cầu và quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên họp là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông T và bà K phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01- 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K.

Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2003.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lại số 0003308 ngày 21-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện B;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lương Thị Xuân